

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẮKLẮK
TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ II NĂM HỌC 2016
- 2017

MÔN ĐỊA LÍ 12

TỔ ĐỊA LÍ

Thời gian: 45 phút, không kể thời gian phát đề.

Câu 1: Một trong những đặc điểm đô thị hóa của nước ta là

- A. Trình độ đô thị hóa thấp.
- B. Tỷ lệ dân thành thị giảm.
- C. Phân bố các đô thị đều giữa các vùng.
- D. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.

Câu 2: Ở miền Bắc, quá trình đô thị hóa bị chững lại vào:

- A. Từ 1945 đến 1954.
- B. từ 1954 đến 1975.
- C. Từ 1965 đến 1972.
- D. từ 1975 đến 2005.

Câu 3: Cho bảng số liệu: Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị trong dân số cả nước giai đoạn 1990 - 2005

Năm	Số dân thành thị (triệu người)	Tỉ lệ dân thành thị trong dân số cả nước (%)
1990	12,9	19,5
2000	18,8	24,2
2005	22,3	26,7
2007	23,7	27,4

Từ bảng số liệu trên, biểu đồ thích hợp là

- A. miền.
- B. tròn.
- C. đường.
- D. kết hợp.

Câu 4: Đô thị trực thuộc Trung ương nào sau đây không giáp biển

- A. Hà Nội .
- B. Hải Phòng.
- C. Đà Nẵng.
- D. Tp. Hồ Chí Minh.

Câu 5: Cho bảng số liệu: Cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế giai đoạn

Đơn vị: %

Năm	1995	2000	2005	2007
Nông, lâm, thủy sản.	71,2	65,1	57,2	53,9
Công nghiệp và xây dựng	11,4	13,1	18,2	20,0
Dịch vụ	17,4	21,8	24,6	26,1

Dựa vào bảng số liệu trên, cho biết biểu đồ thích hợp là biểu đồ

- A. miền. B. tròn. C. cột.
D. kết hợp.

Câu 6: Vấn đề việc làm là vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay vì:

- A. dân số nước ta đông.
B. lao động chưa qua đào tạo chiếm tỉ trọng cao.
C. tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn còn gay gắt.
D. nước ta có cơ cấu dân số trẻ.

Câu 7: Để người lao động có thể tạo ra những công việc hoặc tham gia vào các đơn vị sản xuất dễ dàng, thuận lợi thì nước ta cần giải quyết theo hướng

- A. Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
B. Thực hiện tốt chính sách dân số.
C. Mở rộng, đa dạng các loại hình đào tạo các cấp.
D. Xuất khẩu lao động.

Câu 8: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết: Khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc vùng

- A. Bắc Trung bộ.
B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Đông Nam Bộ.

Câu 9: Dựa vào Atlas trang 17, trung tâm kinh tế có quy mô trên 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Hải Phòng. B. Đà Nẵng. C. Vũng Tàu. D. Tp Hồ Chí Minh.

Câu 10: Dựa vào Atlas trang 17, khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y thuộc vùng kinh tế?

- A. Bắc Trung bộ.

- B. Duyên hải Nam Trung Bộ
- C. Tây Nguyên.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 11: Mục đích nào sau đây là quan trọng nhất của nền sản xuất hàng hóa nước ta?

- A. tạo ra nhiều lợi nhuận.
- B. sản xuất ra nhiều sản phẩm.
- C. nâng cao chất lượng nguồn lao động.
- D. đáp ứng nhu cầu tại chỗ.

Câu 12: Cho bảng số liệu sau: Diện tích và sản lượng lúa nước ta, giai đoạn 2005 - 2014:

Năm	2005	2009	2011	2014
Diện tích (nghìn ha)	7329	7437	7655	7816
Sản lượng (nghìn tấn)	35832	38905	42398	44974

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng lúa nước ta, biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. miền.
- B. tròn.
- C. đường.
- D. kết hợp.

Câu 13: Đặc điểm không phải của mạng lưới giao thông vận tải đường bộ nước ta là

- A. mạng lưới đường bộ được mở rộng.
- B. được hiện đại hóa.
- C. là ngành non trẻ nhưng có bước tiến rất nhanh.
- D. đã phủ kín khắp các vùng.

Câu 14: Tuyến đường biển ven bờ quan trọng là

- A. Hải Phòng - Vinh.
- B. Vinh - Đà Nẵng.
- C. Hải Phòng - Đà Nẵng.
- D. Hải Phòng - Tp Hồ Chí Minh.

Câu 15: Giao thông vận tải đường biển của nước ta ngày càng phát triển là do

- A. thu hút nhiều khách du lịch quốc tế.
- B. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.
- C. nâng cao chất lượng lao động.
- D. mở rộng buôn bán với các

nước.

Câu 16: Cho bảng số liệu sau:

Số lượt khách phân theo ngành vận tải của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014

(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	Đường sắt	Đường thủy	Đường hàng không	Đường bộ
2005	12,8	156,9	6,5	1173,4
2009	11,2	157,5	14,2	2132,3
2014	12,0	156,9	24,4	2863,5

Nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi số lượt khách phân theo ngành vận tải của nước ta:

- A. Đường sắt tăng liên tục.
- B. Đường bộ có xu hướng giảm.
- C. Đường hàng không tăng liên tục.
- D. Đường thủy có xu hướng giảm.

Câu 17: Cho bảng số liệu sau: Khách du lịch và doanh thu từ du lịch của nước ta giai đoạn 1995 đến 2007:

Năm	1995	2000	2005	2007
Khách du lịch (triệu lượt)	6,9	13,3	19,5	23,3
Doanh thu (nghìn tỉ đồng)	8,0	17,4	30,0	56,0

Nhận xét nào sau đây nêu rõ tình hình phát triển du lịch của nước ta giai đoạn trên

- A. Số lượt khách và doanh thu du lịch ngày càng tăng mạnh.
- B. Doanh thu năm 2007 gấp 7 lần năm 1995.
- C. Khách du lịch tăng hơn 3 lần năm 2007 so với 1995.
- D. Khách du lịch tăng cao hơn doanh thu.

Câu 18: Dựa vào Atlas trang 24, quốc gia nào có giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa với Việt Nam trên 6 tỉ USD?

- A. Trung Quốc.
- B. Nhật Bản.
- C. Xingapo.
- D. Ôxtrâylia.

Câu 19: Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh/ thành nào của nước ta?

- A. Hà Nội.
- B. Hải Phòng.
- C. Quảng Ninh.
- D.

Thái Bình.

Câu 20: Dựa vào Atlas trang 25, cho biết cơ cấu khách du lịch đến nước ta năm 2007 nhiều nhất là quốc gia

A. Đài Loan. B. Hàn Quốc. C. Nhật Bản. D. Hoa Kỳ.

Câu 21: Giá trị nhập khẩu của nước ta tăng nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào?

A. Nguồn lao động dồi dào và thiên nhiên ưu đãi.

B. Sự phát triển của sản xuất và nhu cầu tiêu dùng.

C. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi.

D. Thị trường buôn bán mở rộng và đa dạng.

Câu 22: Trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất vùng duyên hải miền Trung

A. Vinh. B. Huế. C. Đà Nẵng. D. Quy Nhơn.

Câu 23: Hình thức cao nhất của tổ chức lãnh thổ công nghiệp là

A. Vùng công nghiệp. B. Trung tâm công nghiệp.

C. Khu công nghiệp. D. Điểm công nghiệp.

Câu 24: Than nâu phân bố ở vùng:

A. ĐB Sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ.

C. ĐB Nam Trung Bộ.

D. ĐB Sông Cửu Long.

Câu 25: Nhà máy lọc dầu Dung Quất thuộc tỉnh/ thành phố:

A. Phú Yên. B. Quảng Ngãi. C. Quảng Nam. D. Đà Nẵng.

Câu 26: Tiềm năng thủy điện chiếm 37% thuộc hệ thống sông

A. Hồng. B. Xêxan. C. Xêrêpóc. D. Đồng Nai.

Câu 27: Với công suất 1920MW là của nhà máy thủy điện

A. Sơn La. B. Hòa Bình. C. Yaly. D. Trị An.

Câu 28: Nhà máy nhiệt điện chạy bằng than ở nước ta

A. Bà Rịa. B. Na Dương. C. Phú Mỹ. D. Cà Mau.

Câu 29: Vùng có tỉ trọng giá trị công nghiệp chiếm hơn 1/2 (55,6,%) so với cả nước

A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên.

C. ĐB sông Hồng. D. DH Nam Trung Bộ.

Câu 30: Khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi, có mùa đông lạnh là điều kiện sinh thái nổi bật của vùng nông nghiệp

A. Trung du miền núi Bắc Bộ.

B. Tây Nguyên.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 31: Với trình độ thâm canh cao, sản xuất hàng hóa, sử dụng nhiều máy móc, vật tư nông nghiệp là của vùng nông nghiệp.

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đông Nam Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 32: Đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp, đa dạng hóa kinh tế nông thôn không nhằm:

A. Khai thác hợp lý điều kiện tự nhiên.

B. Giảm thiểu rủi ro nếu thị trường có biến động.

C. Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

D. Sử dụng tốt hơn nguồn lao động.

Câu 33: Ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh thuộc vùng biển nào?

A. Vịnh Bắc Bộ. B. Nam Trung Bộ.

C. Bắc Trung Bộ. D. Vịnh Thái Lan.

Câu 34: Dựa vào Atlas trang 20, tỉnh nào có sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản cả nước?

A. Kiên Giang.

B. An Giang.

C. Bà Rịa - Vũng Tàu.

D. Cà Mau.

Câu 35: Dựa vào Atlas trang 20, trong vùng đồng bằng sông Cửu Long tỉnh có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản từ 5,0 - 10%(2007)?

A. Kiên Giang.

B. An Giang.

C. Hậu Giang.

D. Cà Mau.

Câu 36: Sản lượng lúa của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. tăng diện tích lúa mùa.
- B. đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa.
- C. đẩy mạnh công nghiệp chế biến.
- D. đa dạng hóa nông nghiệp

Câu 37: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nào sau đây có ảnh hưởng căn bản đến cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp?

- A. Đất trồng.
- B. Địa hình.
- C. Khí hậu.
- D. Sông ngòi.

Câu 38: Tỉnh nào có năng suất lúa cao nhất ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay?

- A. Thái Bình.
- B. Nam Định.
- C. Hải Dương.
- D. Hưng Yên.

Câu 39: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc trưng của nền nông nghiệp cổ truyền

- A. Người nông dân quan tâm đến thị trường.
- B. Quy mô sản xuất nhỏ.
- C. Công cụ sản xuất thủ công.
- D. Năng suất lao động thấp.

Câu 40: Tuyến đường có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía Tây nước ta là

- A. Quốc lộ 6.
- B. Quốc lộ 1A.
- C. Đường Hồ Chí Minh.
- D. Quốc lộ 9

.....**Hết**.....

(Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam - Nhà xuất bản giáo dục)

Đáp án đề kiểm tra 1 tiết học kì 2 môn Địa lý lớp 12

1. A	11. A	21. B	31. C
2. C	12. C	22. C	32. C
3. D	13. C	23. A	33. A
4. A	14. D	24. A	34. D
5. A	15. D	25. B	35. C
6. C	16. C	26. A	36. B
7. C	17. A	27. B	37. C
8. B	18. B	28. B	38. A
9. D	19. C	29. A	39. A
10. C	20. B	30. A	40. C